**Đường Lối Cách Mạng Của Đảng Cộng Sản Việt Nam**

***Giảng viên: Nguyễn Minh Quang***

***CHƯƠNG IV: ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HÓA***

***Đề tài: Công nghiệp hóa là gì? Hãy phân biệt sự khác nhau cơ bản về phương hướng CNH thời kì trước và thời kì sau đổi mới.***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên thành viên** | **Mã số sinh viên** |
| Lương Ngọc Trí | 2150462 |
| Trần Nguyễn Ngọc Hiền | 2150425 |
| Nguyễn khánh vy | 2152180 |
| Tăng Yến Nhi | 2150078 |

**2016**

**BẢNG PHÂN CÔNG CÔNG VIỆC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên** | **MSSV** | **Công việc** | **Tiến độ** |
| Lương Ngọc Trí | 2150462 | - Công nghiệp hóa(CNH) là gì?  - CNH trước thời kì đổi mới.  - Tổng hợp lại bài words thành sổ báo cáo.  - Thuyết trình phần đầu (trước đổi mới) | 100% |
| Trần Nguyễn Ngọc Hiền | 2150425 | - Word: CNH sau thời kì đổi mới. Sự giống nhau đường lối CNH 2 thời kì.  - Thuyết trình phần khác nhau (5 tiêu chí cuối) 2 thời kì | 100% |
| Nguyễn Khánh Vy | 2152180 | - Word CNH sau thời kì đổi mới.  - Thuyết trình phần giống nhau và khác nhau (6 tiêu chí đầu tiên) 2 thời kì | 100% |
| Tăng Yến Nhi | 2150078 | - Word, PowperPoint: Sự khác nhau cơ bản về phương hướng CNH trước và sau đổi mới.  - Không thuyết trình | 100% |

MỤC LỤC

[I. CÔNG NGHIỆP HÓA THỜI KÌ TRƯỚC ĐỔI MỚI. (1960-1985) 1](#_Toc464849372)

[1. Công nghiệp hóa là gì? 1](#_Toc464849373)

[2. Mục tiêu, phương hướng CNH. 1](#_Toc464849374)

[3. Đánh giá sự thực hiện đường lối công nghiệp hóa. 2](#_Toc464849375)

[II. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA THỜI KỲ ĐỔI MỚI. 2](#_Toc464849376)

[1. Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hóa từ Đại hội VI – Đại hội X: 3](#_Toc464849377)

[2. Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa. 4](#_Toc464849378)

[a. Mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. 4](#_Toc464849379)

[b. Quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa. 4](#_Toc464849380)

[3. Nội dung và định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức. 5](#_Toc464849381)

[a. Nội dung. 5](#_Toc464849382)

[b. Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực kinh tế trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức. 5](#_Toc464849383)

[4. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân. 7](#_Toc464849384)

[a. Kết quả thực hiện đường lối và ý nghĩa. 7](#_Toc464849385)

[b. Hạn chế và nguyên nhân. 7](#_Toc464849386)

[III. SỰ KHÁC NHAU CƠ BẢN PHƯƠNG HƯỚNG CNH THỜI KÌ TRƯỚC VÀ SAU ĐỔI MỚI. 8](#_Toc464849387)

# I. CÔNG NGHIỆP HÓA THỜI KÌ TRƯỚC ĐỔI MỚI. (1960-1985)

## 1. Công nghiệp hóa là gì?

Ở Việt Nam, **công nghiệp hóa là** một quá trình chuyển đổi toàn diện, căn bản các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ và quản lí kinh tế - xã hội từ lao động thủ công sang áp dụng những máy móc công nghệ, phương tiện, phương pháp sản xuất tiên tiến, hiện đại dựa trên sự phát triển của công nghệ - khoa học để tăng năng suất lao động. Chuyển đổi từ một nước nông – lâm – ngư nghiệp là chủ đạo sang các hoạt động kinh tế công nghiệp.

## 2. Mục tiêu, phương hướng CNH.

Tháng 9-1960 – Hình thành đường lối CNH tại Đại hội III của đảng.

**Chia thành 2 giai đoạn:**

* **Miền Bắc (1960-1975):**
* **Bối cảnh:** 1 nước kinh tế nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên CNXH không trải qua TBCN. Đảng đã khẳng định nhiều lần rằng trong thời kì quá độ lên CNXH thì công nghiệp hóa là trọng tâm, là tất yếu.
* **Mục tiêu cơ bản:** xây dựng nền kinh tế XHCN cân đối và hiện đại, bước đầu xây dựng cơ sở vật chất, kĩ thuật.
* **Phương hướng:**

1. Ưu tiên phát triển CN nặng 1 cách hợp lí.
2. Kết hợp chặt chẽ phát triển CN với phát triển NN.
3. Phát triển CN nhẹ // với việc ưu tiên CN nặng.
4. Phát triển CN trung ương, đẩy mạnh phát triện CN địa phương.

* **Phạm vi cả nước (1975-1985):**
* **Bối cảnh:**

- Thuận lợi:

* Cả nước độc lập, thống nhất và đang tiến lên CNXH.
* NLĐ dồi dào.
* Kinh nghiệm từ giai đoạn miền Bắc.
* Quan hệ quốc tế mở rộng.

- Khó khăn:

* Hậu quả do chiến tranh.
* CNĐQ và các thế lực thù địch không ngừng chống phá CMVN.
* Không tận dụng được những thành tựu CM KH-KT-CN thế giới, còn phụ thuộc vào LX và các nước XHCN.
* Không hiểu hết LĐ của Lenin “CNTB hiện đại là sự chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất cho CNXH” và “CNXH thoát thai từ CNTB”.
* **Mục tiêu:** Tương tự như miền Bắc.
* **Phương hướng:**
* Đại hội IV (12/1976): Thực hiện phương hướng như miền Bắc nhưng có phần phát triển thêm.

1. Đẩy mạnh CNH XHCN, xây dựng CSVC – KT của CNXH, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn XHCN.
2. Ưu tiên phát triển CN nặng một cách hợp lí, trên cơ sở phát triện NN và CN nhẹ.
3. Kết hợp xây dựng CN và NN cả nước thành 1 cơ cấu kinh tế công – nông nghiệp.
4. Xây dựng, phát triển, kết hợp kinh tế trung ương - địa phương trong một cơ cấu kinh tế toàn dân thống nhất.

* Đại hội V (3/1982): Xác định bước đi CNH phù hợp tình hình nước ta.

1. Tập trung phát triển NN là chính.
2. Phát triển CN sản xuất hàng tiêu dùng.
3. CN nặng làm vừa sức, có mức độ, phục vụ thiết thực, hiệu quả cho NN và CN nhẹ.

**Kết quả:** Nhận thức và tiến hành CNH theo kiểu cũ, lạc hậu dẫn tới thất bại, hậu quả nghiêm trọng.

## 3. Đánh giá sự thực hiện đường lối công nghiệp hóa.

* **Hạn chế:**
* CNH theo mô hình kinh tế khép kín, hướng nội và thiên về phát triển CN nặng.
* CNH dựa vào lao động, tài nguyên, đất đai, nguồn viện trợ các nước XHCN. Chủ lực thực hiện CNH là Nhà nước và doanh nghiệp nhà nước. Phân bổ nguồn lực để CNH được thực hiện thông qua cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu - bao cấp, không tôn trọng các quy luật của thị trường.
* Nóng vội, giản đơn, chủ quan duy ý chí, ham làm nhanh, làm lớn, không quan tâm đến hiệu quả kinh tế - xã hội.
* Hậu quả do chiến tranh, bị bao vây, cô lập với sự phát triển về chính trị, kinh tế, văn hóa của thế giới, tất cả yếu tố trên dẫn tới cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài.
* **Nguyên nhân:**
* **Khách quan:**  tiến hành CNH quá sớm, kinh tế nước ta còn lạc hậu, nghèo nàn, lại vừa kết thúc chiến tranh với những hậu quả, tàn phá nặng nề, không thế tập trung lực lượng lao động có vốn tri thức về ngành công nghiệp cũng như nguồn vốn, tiền của.
* **Chủ quan:** Xác định sai lầm mục tiêu, bước đi về CSVC, kĩ thuật, bố trí cơ cấu sản xuất, cơ cấu đầu tư. Xuất phát tự tư tưởng tả khuynh, chủ quan, duy ý chí trong nhận thức và chủ trương công nghiệp hóa.

# II. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA THỜI KỲ ĐỔI MỚI.

## 1. Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hóa từ Đại hội VI – Đại hội X:

**Chính sách CNH của Đại hội VI đã:**

- Đưa ra một thứ tự ưu tiên mới: nông nghiệp – công nghiệp hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu – công nghiệp nặng.

- Tạo một sự chuyển biến quan trọng cả về quan điểm nnhận thức cũng như tổ chức chỉ đạo Đó là sự chuyển biến hướng chiến lược CNH từ:

+ Cơ chế KHHTT sang cơ chế thị trường có sự điều tiết vĩ mô của Nhà nước.

+ Cơ chế khép kín sang cơ chế mở cửa kinh tế.

+ Từ xây dựng ngay từ đầu một cơ cấu kinh tế đầy đủ, tự cấp tự túc sang cơ cấu bổ sung kinh tế và hội nhập.

+ Mục tiêu “ ưu tiên phát triển công nghiêp nặng” đã chuyển sang “ lấy nông nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu làm trọng tâm”.

+ Phát huy nguồn lực của nhiều thành phần kinh tế.

Đại hội VIII đã điều chỉnh chính sách CNH theo hướng lấy nông nghiệp làm khâu đột phá, coi nông nghiệp kết hợp với công nghiệp chế biến là mặt trận hàng đầu. Tiếp tục thực hiện rộng rãi hơn chính sách mở cửa, phát triển kinh tế nhiều thành phần, nâng cao quyền tự chủ sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp. Gắn công nghiệp hóa với hiện đại hóa, lấy khoa học – công nghệ làm động lực, lấy nguồn lực con người làm yếu tố trung tâm của CNH, HDH.

**Đại hội IX (năm 2001) và Đại hội X (năm 2006) Đảng ta tiếp tục bổ sung và nhấn mạnh một số điểm mới trong tư duy về công nghiệp hóa:**

- Phát triển kinh tế và công nghệ phải vừa có những bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt; phát huy những lợi thế của đất nước, gắn công nghiệp hóa với hiện đại hóa, từng bước phát triển kinh tế tri thức; phát huy nguồn lực trí tuệ và tinh thần của con người Việt Nam, đặc biệt coi trọng phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, xem đây là nền tảng và động lực cho CNH, HDH.

- Hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta là phải phát triển nhanh và có hiệu quả các sản phẩm, các ngành, các lĩnh vực có lợi thế, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phải bảo đảm xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, tức là phải tiến hành công nghiệp hóa trong một nền kinh tế mở, hướng ngoại.

- Đẩy nhanh CNH, HDH nông nghiệp nông thôn với việc nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp.

- Đẩy mạnh CNH, HDH phải tính toán đến yêu cầu phát triển bền vững trong tương lai.

## 2. Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

### a. Mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

* Mục tiêu lâu dài của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là cải biến nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, mức sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng – an ninh vững chắc, dân giàu nước mạnh xã hội công bằng dân chủ văn minh.
* Để thực hiện mục tiêu trên, ở mỗi thời kỳ phải đạt được những mục tiêu cụ thể. Đại hội X xác định mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức để sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; tạo nền tảng để đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

### b. Quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

* + Công nghiệp hóa gắn với hiện đại hóa và công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức.
  + Công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế.
  + Lấy phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững.
  + Coi phát triển khoa học và công nghệ là nền tảng, là động lực công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
  + Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học.

## 3. Nội dung và định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức.

### a. Nội dung.

* Phát triển mạnh các ngành và sản phẩm kinh tế có giá trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức.
* Coi trọng cả số lượng và chất lượng tăng trưởng kinh tế trong mỗi bước phát triển của đất nước.
* Xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại và hợp lý theo ngành , lĩnh vực và lãnh thổ.
* Giảm chi phí trung gian, nâng cao năng suất lao động của tất cả các ngành.

### b. Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực kinh tế trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức.

***Đẩy mạnh CNH,HĐH nông nghiệp, nông thôn ,giải quyết đồng bộ các vấn đề:***

* + Về CNH,HĐH nông nghiệp , nông thôn.

Vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân là vấn đề lớn của quá trình CNH ,vì CNH là quá trình thu hẹp khu vực nông nghiệp nông thôn và gia tăng khu vực công nghiệp, xây dựng,dịch vụ và đô thị . Tóm lại ,quan tâm đến nông nghiệp , nông dân và nông thôn là một vấn đề có tầm quan trọng hàng đầu của quá trình CNH.

* Về quy hoạch phát triển nông thôn.

Khẩn trương xây dựng các quy hoạch phát triển nông thôn , thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

Hình thành các khu dân cư đô thị với kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ.

Phát huy dân chủ ở nông thôn đi đôi với xây dựng nếp sống văn hóa , nâng cao trình đọ dân trí, bài trừ các tệ nạn xã hội.

* Về giải quyết lao động , việc làm ở nông thôn.

Chú trọng dạy nghề giải quyết việc làm cho nông dân nhất là ở những vùng có sử dụng đất nông nghiệp . Tạo điều kiện để lạo động nông thôn có việc làm trong và ngoài khu vực nông thôn,kể cả đi lao động nước ngoài.

Đầu tư mạnh hơn cho các chương trình xóa đói giảm nghèo.

***Phát triển nhanh hơn công nghiệp,xây dựng và dịch vụ.***

* + Công nghiệp và xây dựng.

Phát triển mạnh công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại , nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh.

Khuyến khích phát triển công nghiệp công nghệ cao,cn chế tác ,cn phần mềm và cn bổ trợ.Khuyến khích và tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia phát triển các ngành công nhiêp sản xuất hàng tiêu dùng va hàng xuất khẩu.

Tích cực thu hút vốn trong và ngoài nước để đầu tư thực iện các dự án quan trọng về khai thác dầu khí . lọc dầu ,... Có chính sách hạn chế xuất khẩu tài nguyên thô .Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng ký thuật kinh tế - xã hội.

* Dịch vụ.

Tạo bước phát triển vượt bậc của các ngành dịch vụ, nhất là những nghành có chất lượng cao ,tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh.Tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ truyền thống như vận tải, thương mại,...

Đổi mới căn bản cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng.

***Phát triển kinh tế vùng***

Cơ cấu inh tế vùng là một trong những cơ cấu cơ bản của nền kinh tế quốc dân.Để phát triển mạnh mẽ kinh tế vùng trong những năm tới cần phải:

* + Có cơ chế , chính sách phù hợp để các vùng trong cả nước cùng phát triển nhanh hơn.
  + Xây dựng 3 vùng kinh tế trọng điểm ở Bắc Trung Nam thành những trung tâm công nghiệp lớn có công nghệ cao để các vùng này đóng góp ngày càng lớn cho sự phát triển chung cho cả nước.Có chính sách trợ giúp nhiều hơn về nguồn lực để phát triển các vùng khó khăn.

***Phát triển kinh tế biển***

Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế biển toàn diện, có trọng tâm , trọng điểm.Đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp đóng tàu biển ,đồng thời hình thành một số hành lang kinh tế ven biển.

***Chuyển dịch cơ cấu lao động.***

Để chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu công nghệ cần phải:

* + Phát triển nguồn nhân lực.
  + Phát triển khoa học và công nghệ phù hợp với xu thế phát triển nhảy vọt của cách mạng khoa học và công nghệ.Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ.
  + Kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động khoa học và công nghệ với giáo dục và đào tạo.Thực hiện chính sách trọng dụng nhân tài .
  + Đổi mới cơ bản ,cơ chế quản lý khoa học và công nghệ

***Bảo vệ , sử dụng hiệu quả tài nguyên quốc gia , cải thiện môi trường tự nhiên.***

Xuất phát từ yêu cầu phát triển bền vững của đất nước ,vấn đề bảo vệ ,sử dụng tài nguyên và cải thiện môi trường tự nhiên được xác định :

* + Tăng cường quản lý tài nguyên quốc gia , nhất là các tài nguyên đất , nước , khoáng sản và rừng. Ngăn chặn các hành vi hủy hoại và ô nhiểm môi trường.Quan tâm đầu tư cho lĩnh vực môi trường , nhất là các hoạt động thu gom tái chế và xử lý chất thải.
  + Từng bước hiệ đại hóa công tác nghiên cứu , dự báo khí tượng thủy văn , chủ động phòng chống thiên tai tìm kiếm, cứu nạn.
  + Xử lý tốt mối quan hệ giữa tăng dân số , phát triển kinh tế và đo thị hóa vs bảo vệ môi trường , bảo đảm phát triển bền vững.
  + Mở rộng hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên , chú trọng lĩnh vực quản lý , khai thác và sử dụng tài nguyên nước.

## 4. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân.

### a. Kết quả thực hiện đường lối và ý nghĩa.

* Cơ sở vật chất – kỹ thuật của đất nước được tăng cường đáng kể, khả năng độc lập tự chủ của nền kinh tế được nâng cao.
* Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đạt được những kết quả quan trọng.
* Những thành tựu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã góp phần quan trọng đưa nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng khá cao.Đời sống vật chất tinh thần nhân dân được cải thiện.  
    
  **Ý nghĩa:** Những thành tựu trên có ý nghĩa rất quan trọng là cơ sở phấn đấu để sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển và cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

### b. Hạn chế và nguyên nhân.

**Hạn chế:**

* Tốc độ tăng trưởng kinh tế vẫn thấp so với khả năng và thấp hơn nhiều nước trong khu vực thời kỳ đầu công nghiệp hóa. Quy mô nền kinh tế còn nhỏ, thu nhập bình quân đầu người thấp.
* Nguồn lực của đất nước chưa được sử dụng có hiệu quả cao; tài nguyên, đất đai và các nguồn vốn của nhà nước còn bị lãng phí, thất thoát nghiêm trọng. Nhiều nguồn lực trong dân chưa được phát huy.
* Cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm. Trong công nghiệp các ngành sản phẩm có hàm lượng tri thức cao còn ít.
* Các vùng kinh tế trọng điểm chưa phát huy được thế mạnh để đi nhanh vào cơ cấu kinh tế hiện đại. Kinh tế vùng chưa có sự liên kết chặt chẽ, hiệu quả thấp và chưa được quan tâm đúng mức.
* Cơ cấu thành phần kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, chưa tạo được đầy đủ môi trường hợp tác, cạnh tranh bình đẳng và khả năng phát triển của các thành phần kinh tế.
* Cơ cấu đầu tư chưa hợp lý. Công tác quy hoạch chất lượng thấp, quản lý kém, chưa phù hợp với cơ chế thị trường.
* Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vẫn còn lạc hậu, thiếu đồng bộ chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

**Nguyên nhân:**

* Nhiều chính sách và giải pháp chưa đủ mạnh để huy động và sử dụng được tốt nhất các nguồn lực, cả nội lực và ngoại lực vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội.
* Cải cách hành chính còn chậm và kém hiệu quả. Công tác tổ chức, cán bộ chậm đổi mới, chưa đáp ứng yêu cầu.

# III. SỰ GIỐNG NHAU VÀ KHÁC NHAU CƠ BẢN PHƯƠNG HƯỚNG CNH THỜI KÌ TRƯỚC VÀ SAU ĐỔI MỚI.

# 1. Sự giống nhau.

* Quan niệm công nghiệp hoá là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
* Công nghiệp hoá đều nhằm chuyển đổi một cách căn bản nền sản xuất xã hội từ lao động thủ công là chủ yếu sang lao động dùng máy móc, phương tiện kỹ thuật là phổ biến, xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, trên cơ sở đó, nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân.
* Từng bước hình thành quan hệ sản xuất mới tiến bộ, phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, thể hiện ngày càng đầy đủ bản chất ưu việt của chế độ mới, tạo ra hạ tầng cơ sở vững chắc cho chủ nghĩa xã hội ở nước ta.
* Tiến hành công nghiệp hoá trước đây và hiện nay đều phải được thực hiện theo hướng hiện đại hoá tuy có sự khác nhau về mức độ. Do sự phát triển rất nhanh chóng của khoa học và công nghệ trong những thập kỷ gần đây, khái niệm hiện đại hoá luôn luôn được bổ sung những nội dung mới với phạm vi bao quát nhiều mặt, từ sản xuất, kinh doanh đến dịch vụ, quản lý… Những tiến bộ khoa học – công nghệ được coi là hiện đại cách đây vài thập kỷ thì nhiều cái nay đã trở nên bình thường, cần được bổ sung, thậm chí lạc hậu, cần được thay thế. Khái niệm hiện đại hoá mà chúng ta đề cập trong Nghị quyết Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ khoá VII và Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này được hiểu theo ý nghĩa đó.

# 2. Sự khác nhau.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí .** | **Trước thời kì đổi mới.** | **Trong thời kì đổi mới.** |
| **Thời gian.** | Hai giai đoạn:  + 1960-1975 miền Bắc.  + 1975-1985 cả nước. | Sau 1986 ( từ Đại hội VI của Đảng). |
| **Lợi thế.** | Dựa vào lao động, tài nguyên, đất đai, nguồn viện trợ từ các nước XHCN. | Tri thức, khoa học-công nghệ. Dựa vào yếu tối con người. |
| **Cách làm .** | Nóng vội, đơn giản, ham làm nhanh, không quan tâm hiệu quả kinh tế xã hội. | -Đề ra chủ trương, kế hoạch định hướng.  -Quan tâm hiệu quả kinh tế xã hội. |
| **Cơ chế quản lí.** | Cơ chế kế hoạch hóa tập trung của nhà nước. | Được thực hiện bằng cơ chế thị trường . |
| **Mô hình.** | Khép kín. | Hướng ngoại: mở rộng hội nhập Kinh tế thị trường XHCN. |
| **Chủ lực thực hiện CNH.** | Nhà nước và các doanh nghiệp nông nghiệp. | Toàn dân và thành phần kinh tế xã hội. |
| **Phương hướng.** | -Tại hội nghị trung ương lần thứ 7 khóa III có 4 phương hướng:  **1.** Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lí.  **2.** Kết hợp chặt chẽ phát triển công nghiệp và phát triển nông nghiệp.  **3.** Ra sức phát triển công nghiệp nhẹ song song với việc ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.  **4.** Ra sức phát triển công nghiệp trung ương đồng thời đẩy mạnh công nghiệp địa phương.  -Tại đại hội IV(tháng 12/1976) đề ra CNH XHCN.  -Tại đại hội V(tháng 3/1982) lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu. | -Đại hội XI nước ta đã thoát khỏi khủng hoảng KT-XH. Có 6 phương hướng:  **1.** Giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại.  **2.** CNH-HĐH là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó Nhà nước kinh tế giữ vai trò chủ đạo.  **3.** Lây phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự nghiệp và bền vững.  **4.** Khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực của CNH-HĐH.  **5.** Lấy hiệu quả kinh tế xã hội làm tiêu chuẩn cở bản để xác định phương án phát triển, lựa chọn dự án đầu tư và công nghệ.  **6.** Kết hợp kinh tế với quốc phòng-an ninh. |
| **Quan điểm** | Không đề cập | Có 5 quan điểm:  +CNH gắn liền với HĐH và CNH, HĐH gắn với phát triển tri thức .  +CNH-HĐH gắn với phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập phát triển kinh tế quốc tế.  +Lấy phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững.  +Khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực của CNH-HĐH.  +Phát triển nhanh , hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực tiễn tiến bộ và công bằng xã hội; bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học. |
| **Kết quả** | -Văn hóa giáo dục: hàng chục trường ĐH, CĐ ra đời . Đào tạo xấp xỉ 43 vạn người. Tăng 19 lần so với năm 1960  -Kinh tế: số d.oanh nghiệp tăng 16,5 lần. Nhiều khu công nghiệp lớn hình thành => Xuất hiện ngành công nghiệp nặng.  - Một số lĩnh vực khác cũng bắt đầu phát triển. | Nước ta tiến hành đường lối đổi mới .  Các lĩnh vực công nghiệp, xây dựng,… đều có sự phát triển vượt bậc so với trước đổi mới. |
| **Ý nghĩa** | Trong điều kiện đi lên từ xuất phát thấp, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề thì kết quả đã đạt được có ý nghĩa hết sức quan trọng-tạo cơ sở ban đầu để nước ta phát triển nhanh hơn trong các giai đoạn tiếp theo. | -Cơ sở kĩ thuật được tăng cường , khả ăng tự chủ của nền kinh tế cao.  -Cơ cấu chuyển dịch thoe hướng CNH-HĐH đạt được những kết quả quan trọng.  -Đưa nền kinh tế phát triển cao. |
| **Hạn chế** | -Cơ sở vật chất-kỹ thuật còn hết sức lạc hậu.  -Lực lượng sản xuất trong nông nghiệp mới chỉ bước đầu phát triển, nông nghiệp chưa đáp ứng được nhu cầu về lương thực, thực phẩm.  -Xã hội thiếu các sản phẩm tiêu dùng thiết yếu, kinh tế kém phát triển . | -Tốc độ tăng trưởng kinh tế còn thấp so với khả năng và thấp hơn nhiều nước trong khu vực.  -Cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm.  -Các vùng kinh tế trọng điểm chưa phát huy được thế mạnh.  -Cơ cấu thành phần kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng.  -Cơ cấu đầu tư chưa hợp lí. |